

Bản án số: **20/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 - 3 - 2025

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Đức Hoài

Ông Nguyễn Quốc Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 108/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05/12/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 03/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Triệu Quý T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Phùng Thị S có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Triệu Quý T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, nguyên đơn chị Phùng Thị S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Quý T tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 28/10/2011. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu

thuần mà ngày càng trầm trọng thêm nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm ngày càng xa cách. Thực tế hiện nay chị và anh T đều đã có cuộc sống riêng, không còn liên quan, ràng buộc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Triệu Quý T đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Quý T, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Quý T có 02 con chung là cháu Triệu Quốc A, sinh ngày 10/9/2011 và cháu Triệu Thành Ch, sinh ngày 24/8/2018. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thành Ch và giao cháu Triệu Quốc A cho anh Triệu Quý T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Triệu Quý T phải cấp dưỡng đối với cháu Triệu Thành Ch. Trường hợp anh Triệu Quý T không nhận nuôi cháu Triệu Quốc A thì chị xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/01 con chung/tháng. Tổng mức cấp dưỡng hàng tháng chị yêu cầu anh T phải thực hiện là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/02 con chung cho đến khi các cháu Triệu Quốc A và Triệu Thành Ch đủ 18 tuổi.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản, đất đai chung nhưng sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ, do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Triệu Quý T không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị S.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị S và anh Triệu Quý T kết hôn với nhau từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị S, anh T về chung sống tại thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, thôn xóm can thiệp, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phùng Thị S và anh Triệu Quý T đã đến mức độ trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị

Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phùng Thị S đối với anh Triệu Quý T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Phùng Thị S và anh Triệu Quý T có 02 con chung là cháu Triệu Quốc A, sinh ngày 10/9/2011 và cháu Triệu Thành Ch, sinh ngày 24/8/2018. Hiện tại, các cháu Triệu Quốc A và Triệu Thành Ch đã được chị Phùng Thị S đón đi ở cùng nhà bố mẹ đẻ chị S và cho đi học tại xã Sơn Phú, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Về tài sản, đất đai chung của vợ chồng chị Phùng Thị S, anh Triệu Quý T cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được.

Về vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Phùng Thị S, anh Triệu Quý T không có vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì chị Phùng Thị S bỏ về sống cùng nhà bố mẹ đẻ, sau đó đón 02 con về ở cùng để chăm sóc và cho đi học tại xã Sơn Phú, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhưng vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Còn anh Triệu Quý T vẫn làm ăn, sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian gần đây, anh Triệu Quý T đi làm công nhân, không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có về thăm nhà một vài ngày sau đó lại đi. Chính quyền địa phương nghe người thân trong gia đình anh T nói lại là hiện tại anh T đang đi làm thuê ở thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, khi đi làm ăn anh T không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng nên gia đình và chính quyền địa phương không nắm được hiện tại anh T đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào. Anh T cũng đã biết được việc chị Phùng Thị S khởi kiện xin ly hôn với mình và Tòa án triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Trong đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Phùng Thị S xác định mâu thuẫn vợ chồng với anh Triệu Quý T đã đến mức độ trầm trọng nên giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Quý T; về con chung, chị trình bày kể từ khi vợ chồng sống ly thân anh T không có bất cứ đóng góp gì để nuôi dưỡng các con nên khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Triệu Quốc A và Triệu Thành Ch đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Triệu Quý T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; về tài sản, đất đai chung chị xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị xác định vợ chồng chị không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phùng Thị S thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Triệu Quý T chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị S:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị S được ly hôn với anh Triệu Quý T.

+ Về con chung: Giao cháu Triệu Quốc A, sinh ngày 10/9/2011 và cháu Triệu Thành Ch, sinh ngày 24/8/2018 cho chị Phùng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Quý T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai chung: Nguyên đơn chị Phùng Thị S xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Kết quả xác minh tại địa phương và lời trình bày của nguyên đơn chị Phùng Thị S thể hiện vợ chồng chị Phùng Thị S, anh Triệu Quý T không có vay nợ chung; nguyên đơn chị Phùng Thị S cũng không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Phùng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do chị Sx là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Bị đơn anh Triệu Quý T không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Phùng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Triệu Quý T, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Quý T có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương cho thấy bị đơn anh Triệu Quý T có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Phùng Thị S đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Triệu Quý T. Anh Triệu Quý T đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng với chính quyền địa phương. Mặc dù thỉnh thoảng có về thăm nhà nhưng không thông báo địa chỉ mới nên chính quyền địa phương không rõ anh Triệu Quý T hiện đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể nào. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Triệu Quý T đã biết được việc chị Phùng Thị S khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Triệu Quý T đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị S có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị S thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Triệu Quý T chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị S và anh Triệu Quý T tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 28/10/2011. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, thôn xóm can thiệp, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị S xác định tình cảm vợ chồng với anh Triệu Quý T đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Triệu Quý T. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phùng Thị S và anh Triệu Quý T đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Phùng Thị S được ly hôn với anh Triệu Quý T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Phùng Thị S và anh Triệu Quý T có 02 con chung là cháu Triệu Quốc A, sinh ngày 10/9/2011 và cháu Triệu Thành Ch, sinh ngày 24/8/2018. Trong Đơn khởi kiện và bản tự

khai, nguyên đơn chị Phùng Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thành Ch và giao cháu Triệu Quốc A cho anh Triệu Quý T trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp anh T không đồng ý nuôi dưỡng cháu Triệu Quốc A thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh Triệu Quý T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng/01 con chung. Tổng mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng/02 con chung cho đến khi các cháu Triệu Quốc A, Triệu Thành Ch đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, trong Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Phùng Thị S thay đổi về quan điểm cấp dưỡng nuôi con chung. Chị S trình bày kể từ khi vợ chồng sống ly thân anh T không có bất cứ đóng góp gì để nuôi dưỡng các con nên khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Triệu Quốc A và Triệu Thành Ch đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Triệu Quý T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Trong biên bản lấy lời khai, cháu Triệu Quốc A thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Phùng Thị S. Do đó, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên và theo nguyện vọng của con, đồng thời không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cả hai con chung là cháu Triệu Quốc A và cháu Triệu Thành Ch cho chị Phùng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Quý T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị S xác định tự thỏa thuận phân chia tài sản, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Triệu Quý T cố tình vắng mặt, không có ý kiến đối với việc phân chia tài sản, đất đai chung khi ly hôn với chị Phùng Thị S. Do đó, việc phân chia tài sản, đất đai chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Phùng Thị S và anh Triệu Quý T sẽ được giải quyết bằng vụ án khác, nếu các đương sự có yêu cầu.

* Về vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Phùng Thị S, anh Triệu Quý T không có vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí và quyền kháng cáo bản án:*

Nguyên đơn chị Phùng Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Triệu Quý T không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị S được ly hôn với anh Triệu Quý T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 28/10/2011 tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Quốc A, sinh ngày 10/9/2011 và cháu Triệu Thành Ch, sinh ngày 24/8/2018 cho chị Phùng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Quý T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Phùng Thị S. Bị đơn anh Triệu Quý T không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phùng Thị S và bị đơn anh Triệu Quý T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San

